

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/3/2026.
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Đạt, ông Trương Hữu Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1974; CCCD: 03417401xxxx – Có mặt.

Nơi cư trú: Số 13 L, TDP A, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 65 Q, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1967; CCCD: 03706700xxxx – Có mặt.

Nơi cư trú: Số 13 L, TDP A, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham, gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Phúc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Lê Ngọc C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/3/1997 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã không hạnh phúc, mâu thuẫn âm ỉ, kéo dài đến tháng 12/2024 thì mâu thuẫn gay gắt cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Đến nay, bà P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức gay gắt, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phúc yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn ông Lê Ngọc C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P và ông C có 02 con chung là Lê Việt L, sinh ngày 17/02/1998 và Lê Việt B, sinh ngày 15/5/2002. Các con chung đều đã

trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc C và bà Trần Thị P tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/3/1997 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc với nhau. Đến khoảng năm 1999 thì ông C, bà P có mâu thuẫn là do thời điểm đó ông C có uống rượu say nên lỡ tay đánh bà P 01 cái nên bà P đã tự ý chuyển đi ra ngoài ở một thời gian. Đến năm 2000, vợ chồng ông C bà P quay lại chung sống với nhau cho đến nay. Bản thân ông C vẫn rất yêu thương vợ và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ với nhau. Nếu ông C sai gì với bà P thì ông C sửa, ông C hoàn toàn không đồng ý ly hôn. Do vậy, yêu cầu Tòa án hoà giải cho ông C và bà Trần Thị P được đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông C và bà P có 02 con chung là Lê Việt L, sinh ngày 17/02/1998 và Lê Việt B, sinh ngày 15/5/2002. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị P.

Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung là Lê Việt L, sinh ngày 17/02/1998 và Lê Việt B, sinh ngày 15/5/2002. Các con chung đều đã trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị P và ông Lê Ngọc C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện

K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 14/3/1997. Theo bà P trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng ngày càng trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà P và ông C đã sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Về phía bị đơn ông Lê Ngọc C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những va chạm nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, không có mâu thuẫn căng thẳng như bà P trình bày. Bản thân ông vẫn yêu thương vợ con và không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Lê Ngọc C, còn bị đơn ông Lê Ngọc C vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho bà P, ông C 02 lần vào các ngày 09/12/2025 và 28/01/2026 đều không đoàn tụ thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà P được ly hôn ông C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung là Lê Việt L, sinh ngày 17/02/1998 và Lê Việt B, sinh ngày 15/5/2002, các con chung đều đã trưởng thành. Bà P và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P. Bà P được ly hôn ông Lê Ngọc C.

Về con chung: Bà P và ông C có 02 con chung là Lê Việt L, sinh ngày 17/02/1998 và Lê Việt B, sinh ngày 15/5/2002, các con chung đều đã trưởng thành. Bà P và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị P và ông Lê Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002420 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

Lê Anh Thái